

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 71/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003  
về Danh mục bí mật nhà nước độ  
Tuyệt mật, Tối mật của Ban Nội  
chính Trung ương.****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng  
12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày  
28 tháng 12 năm 2000;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Nội chính Trung  
ương và Bộ trưởng Bộ Công an,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của Ban Nội chính Trung ương gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực nội chính chưa công bố hoặc không công bố.

2. Báo cáo, đề xuất của Ban với Đảng và Nhà nước về chính sách đối nội, đối ngoại.

3. Đề án, báo cáo và tài liệu khác đặc biệt quan trọng của Ban về an ninh, quốc phòng.

4. Báo cáo, ý kiến đề xuất của Ban với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chỉ đạo xử lý vụ án chính trị; vụ án liên quan đến cán bộ lãnh đạo cần xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

**Điều 2.** Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của Ban Nội chính Trung ương gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Báo cáo, đề xuất, ý kiến của Ban về nhận xét, đánh giá cán bộ; về bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý ở các cơ quan nội chính Trung ương.

2. Báo cáo, ý kiến của Ban với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và ý kiến của Ban với các cơ quan, tổ chức có liên quan về việc giải quyết một số vụ án nghiêm trọng, phức tạp.

3. Thông báo ý kiến chỉ đạo quan trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ của Ban trong lĩnh vực nội chính.

4. Nội dung các cuộc trao đổi, tiếp xúc, hội đàm, thỏa thuận của lãnh đạo Ban với các cơ quan, tổ chức nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng ban Nội chính Trung ương và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 72/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003  
phê duyệt Phương án tổng thể sắp  
xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà  
nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh  
Quảng Nam đến năm 2005.****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng  
12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước;*

*Căn cứ Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (Tờ trình số 40/TT-UB ngày 09 tháng 01 năm 2003); ý kiến tham gia của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 1365/BKH-DN ngày 13 tháng 3 năm 2003), Tài chính (Công văn số 1986/TC-TCDN ngày 05 tháng 3 năm 2003), Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 591/LĐTBXH-CSLĐVL ngày 03 tháng 3 năm 2003), Nội vụ (Công văn số 350/BNV-TCBC ngày 26 tháng 02 năm 2003) và Ban Kinh tế Trung ương (Công văn số 67/CV-KTTW ngày 27 tháng 02 năm 2003),*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đến năm 2005 như Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong việc thực hiện Phương án nói trên.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh

nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Phương án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

#### Phụ lục

#### DANH MỤC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM TIẾN HÀNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI ĐẾN NĂM 2005

*(ban hành kèm theo Quyết định số 72/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ).*

**A. Những doanh nghiệp nhà nước tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ và giữ nguyên pháp nhân: 15 doanh nghiệp**

**I. Doanh nghiệp công ích: 03 doanh nghiệp**

1. Công ty Khai thác công trình thủy lợi Quảng Nam,

2. Công ty Môi trường đô thị Quảng Nam,

3. Công ty Công trình công cộng Hội An.

**II. Doanh nghiệp kinh doanh: 12 doanh nghiệp**

1. Công ty Xổ số kiến thiết Quảng Nam,

09649997

2. Xí nghiệp In báo Quảng Nam,
3. Công ty Xây dựng và cấp thoát nước Quảng Nam (nhập thêm: Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Điện, Xí nghiệp Cấp nước Hà Lam, Công ty Cấp nước Tam Kỳ),
4. Cảng Kỳ Hà,
5. Công ty Thương mại miền núi (trên cơ sở sáp nhập 5 Công ty Thương mại: Giàng, Phước Sơn, Tiên Trà, Hiệp Đức, Hiên),
6. Công ty Đầu tư và phát triển Kỳ Hà - Chu Lai (nhập thêm Công ty Du lịch và đầu tư Quảng Nam),
7. Công ty Du lịch và dịch vụ Hội An,
8. Lâm trường Phước Sơn,
9. Lâm trường Sông Kôn,
10. Lâm trường Cà Dy,
11. Nông trường Quyết Thắng,
12. Công ty Phát hành phim và chiếu bóng Quảng Nam.

## **B. Lộ trình sắp xếp doanh nghiệp nhà nước:**

### **I. Năm 2003:**

a) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 03 doanh nghiệp

1. Công ty Lương thực và dịch vụ Quảng Nam,
2. Công ty Quản lý và xây dựng đường bộ Quảng Nam,
3. Công ty Xây dựng Quảng Nam.

b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, trong đó Nhà nước giữ cổ phần thấp nhất là 51% khi bán cổ phần lần đầu: 01 doanh nghiệp

Công ty Xây lắp công trình giao thông I Quảng Nam.

c) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ cổ phần mức thấp hoặc không nắm giữ cổ phần: 06 doanh nghiệp

1. Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông,
2. Công ty Thương mại Thăng Bình,
3. Công ty Thương mại Quế Sơn,
4. Công ty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Quảng Nam,
5. Công ty Xây dựng và kinh doanh nhà Tam Kỳ,
6. Công ty Xây dựng Hội An.

d) Sáp nhập doanh nghiệp: 13 doanh nghiệp

1. Công ty Nước khoáng và dịch vụ Phú Ninh (vào Công ty Xây lắp điện Quảng Nam),
2. Lâm trường Trà My (vào Công ty Lâm đặc sản xuất khẩu),
3. Lâm trường Tam Kỳ (vào Công ty Lâm đặc sản xuất khẩu),
4. Lâm trường Quế Sơn (vào Công ty Lâm đặc sản xuất khẩu),

5. Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Điện (vào Công ty Xây dựng và cấp thoát nước Quảng Nam),

6. Xí nghiệp cấp nước Hà Lam (vào Công ty Xây dựng và cấp thoát nước Quảng Nam),

7. Công ty cấp nước Tam Kỳ (vào Công ty Xây dựng và cấp thoát nước Quảng Nam),

8. Công ty Du lịch và đầu tư Quảng Nam (vào Công ty Đầu tư và phát triển Kỳ Hà - Chu Lai),

9. Công ty Thương mại Giàng,

10. Công ty Thương mại Phước Sơn,

11. Công ty Thương mại Tiên Trà,

12. Công ty Thương mại Hiệp Đức,

13. Công ty Thương mại Hiên.

Các Công ty Thương mại: Giăng, Phước Sơn, Tiên Trà, Hiệp Đức, Hiên sẽ sáp nhập lại thành Công ty Thương mại miền núi ghi tại Mục II Phần A Phụ lục này.

đ) Chuyển đi nơi khác: 05 doanh nghiệp

1. Công ty Cơ điện xây dựng và phát triển nông thôn Quảng Nam (về Tổng công ty Máy và thiết bị công nghiệp, Bộ Công nghiệp),

2. Công ty Phát hành sách Quảng Nam (về Tổng công ty Phát hành sách Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thông tin),

3. Công ty Xây lắp số 3 (về Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng),

4. Công ty Xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng Quảng Nam (về Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng),

5. Xí nghiệp May xuất khẩu Hội An (về Tổng công ty Dệt - May Việt Nam).

e) Giao doanh nghiệp: 02 doanh nghiệp

1. Xí nghiệp Sành sứ Thăng Bình,

2. Xí nghiệp Gốm sứ La Tháp.

g) Chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu: 01 doanh nghiệp

Công ty Nuôi trồng, chế biến thủy sản Quảng Nam.

h) Giải thể, phá sản: 01 doanh nghiệp

Công ty Vật tư nông nghiệp Quảng Nam.

**II. Năm 2004:**

a) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 06 doanh nghiệp

1. Công ty Công nghiệp miền Trung,

2. Công ty Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam,

3. Công ty Dịch vụ và sản xuất phân bón và vật tư nông nghiệp,

4. Công ty Sách và thiết bị trường học Quảng Nam,

5. Công ty Dược vật tư y tế Quảng Nam,

6. Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng Quảng Nam.

b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ cổ phần mức thấp hoặc không nắm giữ cổ phần: 05 doanh nghiệp

1. Công ty Giao thông công chính Tam Kỳ,

2. Công ty Vật liệu và xây dựng Quảng Nam,

3. Công ty May Trường Giang,

4. Công ty Thương mại Hội An,

5. Công ty Thương mại Đại Lộc.

**III. Năm 2005:**

a) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 02 doanh nghiệp

1. Công ty Xây lắp điện Quảng Nam,

2. Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Nam.

b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, trong đó Nhà nước giữ cổ phần thấp nhất là 51% khi bán cổ phần lần đầu: 01 doanh nghiệp

Công ty Lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

c) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ cổ phần mức thấp hoặc không nắm giữ cổ phần: 05 doanh nghiệp

1. Công ty Nông lâm sản xuất khẩu P'rao,

2. Công ty Nông lâm sản xuất khẩu Thu Bồn,

3. Công ty Da giầy Quảng Nam,
4. Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Nam,
5. Công ty Xây dựng thủy lợi thủy điện Quảng Nam./.

31 tháng 12 năm 2002); *Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 166/BNV-TCBC ngày 27 tháng 01 năm 2003)*,

### QUYẾT ĐỊNH:

## QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 73/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đến năm 2005.

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và tổng công ty nhà nước;*

*Căn cứ Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (Tờ trình số 4262/TT-UB-ĐMDN ngày 30 tháng 9 năm 2002 và Công văn số 1126/UB-ĐMDN ngày 01 tháng 4 năm 2003), ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 109/BKH-DN ngày 06 tháng 01 năm 2003), Tài chính (Công văn số 295/TC-TCĐN ngày 09 tháng 01 năm 2003), Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 20/LĐTĐBXH-CSLĐVL ngày 06 tháng 01 năm 2003), Nội vụ (Công văn số 1150/BNV-TCBC ngày*

*Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đến năm 2005 như Phụ lục kèm theo.*

*Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt; trường hợp điều chỉnh, bổ sung phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động sắp xếp các doanh nghiệp không được đăng ký lại theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991.*

*Điều 3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong việc thực hiện Đề án nói trên.*

*Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Đề án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.*

*Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.*

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG